

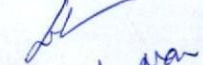
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

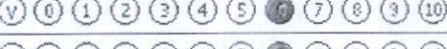
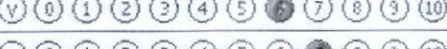
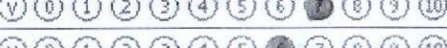
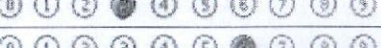
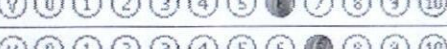
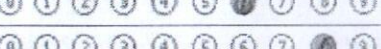
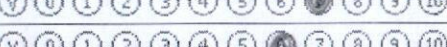
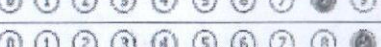
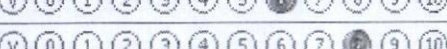
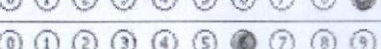
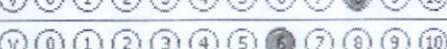
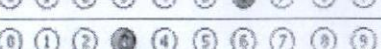
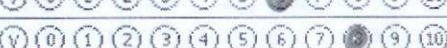
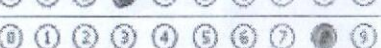
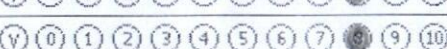
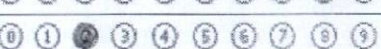
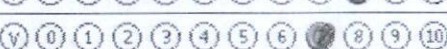
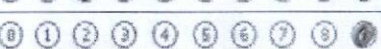
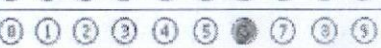
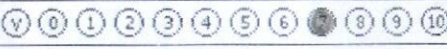
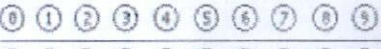
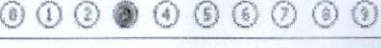
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thiết kế tử điều khiển (228337) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 21
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ Phụng Nga	 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ Phụng Nga

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A				7,4	6,3	6,8		
2	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	24/07/2003	CCQ2115A				6,9	6,0	6,4		
3	2121150012	BÙI LONG	16/11/2003	CCQ2115A				7,0	7,5	7,3		
4	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A				7,1	6,3	6,6		
5	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A				7,9	7,8	7,8		
6	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B				7,0	6,8	6,9		
7	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A				8,1	9,0	8,6		
8	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A				6,1	6,5	6,3		
9	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A				8,1	9,3	8,8		
10	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A				7,8	8,5	8,2		
11	2121150002	VŨ NHẬT HUY	11/10/2003	CCQ2115A				7,7	8,0	7,9		
12	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B				7,4	7,8	7,6		
13	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A				6,6	6,5	6,6		
14	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A				8,1	8,5	8,3		
15	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A				8,2	8,8	8,6		
16	2121150034	LÊ HUỖNH CÔNG MẾN	02/10/2003	CCQ2115A								
17	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN	12/08/2003	CCQ2115A								
18	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A				7,1	7,0	7,0		
19	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A								
20	2121150038	VŨ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B				7,4	7,3	7,3		

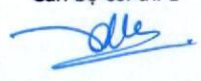
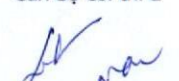
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

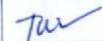
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thiết kế tủ điều khiển (228337) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 21
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ P. Nam	 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ P. Nam

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A				6,6	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	09/09/2002	CCQ2115B				5,9	6,3	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A				8,5	8,8	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A				6,0	6,3	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thiết kế tủ điều khiển (228337) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1 <i>OKlle</i> Nguyễn Việt Khoa	Cán bộ coi thi 2 <i>Đỗ Phú Nam</i> Đỗ Phú Nam	G.Viên chấm thi 1 <i>OKlle</i> Nguyễn Việt Khoa	G.Viên chấm thi 2 <i>Đỗ Phú Nam</i> Đỗ Phú Nam
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121150057	TẠ QUANG HẢI	11/10/2002	CCQ2115B			<i>Quang</i>	8,0	7,3	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121150008	NGUYỄN VĂN HÒA	20/10/2003	CCQ2115A			<i>Hòa</i>	6,9	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A			<i>Huy</i>	7,4	6,8	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC	13/12/2003	CCQ2115A			<i>Đức</i>	7,8	8,8	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B			<i>Khang</i>	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121150023	TRẦN HÀN SĨ	13/10/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B			<i>Nhân</i>	7,5	7,0	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B			<i>Nhân</i>	7,3	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121150037	ĐÀO MINH PHƯỚC	29/06/2002	CCQ2115B			<i>Phước</i>	7,4	6,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121150020	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	15/11/2003	CCQ2115A			<i>Phước</i>	7,8	6,5	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A			<i>Phước</i>	8,2	8,8	8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B			<i>Thái</i>	7,7	7,0	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121150045	VÕ QUỐC THẮNG	30/11/2003	CCQ2115B			<i>Thắng</i>	7,2	7,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B			<i>Thi</i>	8,4	8,3	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B			<i>Tồn</i>	7,8	6,8	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

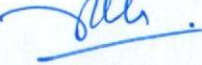
Môn học: **Thiết kế tủ điều khiển (228337) - Nhóm 02**

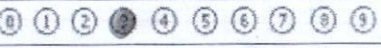
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ Phú Mạnh	 Nguyễn Việt Khoa	 Đỗ Phú Mạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B				8,4	8,3	8,3		
22	2121150028	PHÙNG NINH ANH TRÍ	02/11/2003	CCQ2115A				8,1	8,5	8,3		
23	2121150054	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	08/09/2002	CCQ2115B								
24	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B				8,6	8,5	8,5		
25	2121150055	PHẠM VĂN VŨ	18/06/2002	CCQ2115B								